

Đối với cán bộ, công nhân, viên chức khu vực sản xuất, kinh doanh, khoản trợ cấp này chỉ được áp dụng khi giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc theo quyết định số 176-HĐBT ngày 9 tháng 10 năm 1989 và tính vào giá thành hoặc phí lưu thông.

Những nơi đã quy định mức trợ cấp thêm cao hơn phải rút xuống cho bằng mức trợ cấp của Quyết định này. Ngân sách Nhà nước chỉ cấp bổ sung (hoặc tính toán khi phân bổ ngân sách) quỹ lương, quỹ trợ cấp của các đối tượng trên theo mức quy định tại điều 1 của Quyết định này.

Điều 2. - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội cùng Bộ Tài chính hướng dẫn và kiểm tra chặt chẽ việc thi hành Quyết định này. Đối với lực lượng vũ trang, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ hướng dẫn, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và Bộ Tài chính.

Điều 3. - Thủ trưởng các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và các Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 133-HĐBT ngày 20-4-1991 hướng dẫn thi hành Luật công đoàn.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật công đoàn ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Sau khi thỏa thuận với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. -

1. Các cấp chính quyền, cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức), chủ doanh nghiệp tư nhân (sau đây gọi tắt là chủ doanh nghiệp) tôn trọng quyền gia nhập công đoàn của người lao động và thành lập công đoàn theo Điều lệ công đoàn Việt Nam.

2. Việc thành lập một tổ chức công đoàn, từ công đoàn cơ sở trở lên phải được công đoàn cấp trên có thẩm quyền quyết định công nhận mới có tư cách pháp nhân.

Sau khi thành lập, Công đoàn gửi văn bản có kèm theo bản sao quyết định công nhận của công đoàn cấp trên có thẩm quyền đến cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp có liên quan thông báo rõ lên công đoàn, ngày thành lập, trụ sở làm việc, danh sách Ban chấp hành công đoàn và Chủ tịch công đoàn để xây dựng quan hệ công tác giữa hai bên, tạo điều kiện thuận lợi cho công đoàn hoạt động.

Điều 2. - Việc thành lập Hội những người lao động, trước hết là trong tiểu thủ công nghiệp, do công đoàn chỉ đạo. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của Hội những người lao động.

Điều 3. -

1. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng (sau đây gọi chung là Bộ) phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam

trong việc soạn thảo các dự án kinh tế—xã hội, pháp luật, chính sách, chế độ có liên quan đến nghĩa vụ, quyền, và lợi ích của người lao động:

Các cấp chính quyền từ quận, huyện, thị xã, thành phố (thuộc tỉnh) trở lên, cơ quan hành chính, sự nghiệp khi bàn và thực hiện nhiệm vụ kinh tế—xã hội, chương trình công tác của cơ quan, triển khai thực hiện các chính sách, chế độ có liên quan đến nghĩa vụ, quyền, và lợi ích của người lao động thì phải mời công đoàn cùng cấp tham gia đóng góp ý kiến.

Các Bộ, các cấp chính quyền, cơ quan Nhà nước phải cung cấp các thông tin, tư liệu cần thiết để công đoàn tham gia có hiệu quả các vấn đề nói trên.

2. Người quản lý đơn vị kinh tế quốc doanh có nhiệm vụ phối hợp với công đoàn thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quyền làm chủ của tập thể lao động trong việc tham gia quản lý xí nghiệp. Công đoàn tham gia ý kiến với người quản lý đơn vị về quản lý sản xuất, kỹ thuật, tài chính. Nếu không đồng ý với những ý kiến đóng góp của công đoàn, thì người quản lý đơn vị kinh tế quyết định, nhưng phải nói rõ lý do.

3. Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, hoặc đại diện Ban thư ký Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam dự họp Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch công đoàn các cấp được dự hội nghị của cơ quan Nhà nước, đơn vị, tổ chức hữu quan khi bàn những vấn đề liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ, quyền, và lợi ích của người lao động.

Điều 4. — Cơ quan Nhà nước, đơn vị, tổ chức phối hợp với công đoàn tổ chức phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kinh tế — xã hội, chương trình công tác của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

Sau khi thảo luận với công đoàn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định mục tiêu, nội dung, chế độ khen thưởng thi đua; công đoàn đề ra biện pháp động viên phong trào thi đua. Hai bên phối hợp sơ kết, tổng kết thi đua, và thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định khen thưởng cá nhân, đơn vị đạt thành tích xuất sắc.

Điều 5. — Các cấp công đoàn có quyền tham gia ý kiến với cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan về các biện pháp giải quyết việc làm cho người lao động, đào tạo nâng cao trình độ nghề nghiệp của người lao động. Công đoàn có thể tổ chức tìm việc làm, dạy nghề nâng cao trình độ nghề nghiệp cho người lao động theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 6. — Công đoàn cơ sở đại diện cho người lao động trong đơn vị kinh tế ký thỏa ước lao động tập thể với người quản lý đơn vị kinh tế và chủ doanh nghiệp theo đúng pháp luật về ký kết thỏa ước lao động tập thể.

Theo yêu cầu của người lao động, công đoàn giúp người lao động trong việc ký hợp đồng lao động với bên sử dụng lao động theo đúng pháp luật về hợp đồng lao động.

Công đoàn có trách nhiệm giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động của cá nhân.

Điều 7. —

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ và thảo luận với công đoàn về chấp hành các pháp luật, chính sách lao động, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

2. Trước khi quyết định các vấn đề tiền lương, tiền thưởng, nhà ở trong đơn vị kinh tế quốc doanh, cơ quan Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức thảo luận, nhất trí với Ban chấp hành

công đoàn đề báo đảm giải quyết các vấn đề nói trên được dân chủ, công khai, công bằng, chính xác.

Khi không nhất trí, thì hai bên báo cáo lên cơ quan Nhà nước cấp trên trực tiếp và cấp công đoàn tương đương. Cơ quan Nhà nước và công đoàn cấp trên phối hợp giải quyết trong vòng 30 ngày, chậm nhất không quá 50 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo. Nếu hai bên vẫn không nhất trí, thì người đứng đầu cơ quan Nhà nước quyết định và chịu trách nhiệm.

Đối với một số Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và một số cơ quan trung ương không có công đoàn ngành toàn quốc thì khi không nhất trí giữa Ban chấp hành công đoàn và Thủ trưởng cơ quan trong việc giải quyết tiền lương, tiền thưởng, nhà ở, thì người đứng đầu cơ quan này quyết định và chịu trách nhiệm.

Điều 8. — Ban Chấp hành công đoàn cơ sở phối hợp với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức lập kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi tập thể đưa ra đại hội công nhân viên chức quyết định. Công đoàn có quyền kiểm tra và đình chỉ việc sử dụng quỹ phúc lợi tập thể sai quyết định của đại hội công nhân viên chức.

Điều 9. —

1. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam được Nhà nước giao quản lý Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Nhà nước có liên quan nghiên cứu và kiến nghị với Nhà nước chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, tham gia xây dựng các chính sách, chế độ, quy định về an toàn lao động, phòng bệnh nghề nghiệp, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp phối hợp chặt chẽ với công đoàn tuyên truyền giáo dục người lao động chấp hành tốt quy định về an

toàn lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho công đoàn thanh tra, kiểm tra an toàn lao động trong đơn vị.

3. Việc điều tra, xử lý các vụ tai nạn lao động phải có đại diện của công đoàn tham gia. Trong bản kết luận tai nạn lao động, công đoàn có quyền giữ ý kiến của mình về nguyên nhân, trách nhiệm gây ra tai nạn, và có quyền kiến nghị với cơ quan có trách nhiệm xử lý theo đúng pháp luật.

Điều 10. — Các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội, và các tổ chức bảo hiểm xã hội phải phối hợp chặt chẽ với công đoàn trong việc xây dựng pháp luật, chính sách bảo hiểm xã hội trình cấp có thẩm quyền ban hành và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức phối hợp chặt chẽ với công đoàn chăm lo đời sống văn hóa, thể dục — thể thao, nghỉ ngơi, du lịch của người lao động, chăm sóc đời sống của cán bộ, công nhân viên chức đã nghỉ hưu và bị tai nạn lao động.

Điều 11. — Trước khi quyết định thi hành kỷ luật người lao động đến mức hạ bậc lương, bồi thường vật chất, điều đi làm việc khác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức thảo luận với công đoàn. Trường hợp không nhất trí giữa hai bên, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định và chịu trách nhiệm.

Khi thi hành kỷ luật đến mức buộc người lao động thôi việc, hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp phải thảo luận nhất trí với Ban chấp hành công đoàn. Trường hợp không nhất trí, thì chuyển sang giải quyết theo đúng pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động.

Điều 12. — Các cấp công đoàn có quyền tự tổ chức kiểm tra, hoặc phối

hợp với cơ quan hữu quan để kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hợp đồng lao động, tuyển dụng, cho thôi việc, tiền lương, tiền thưởng, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội và trợ cấp xã hội, thời gian làm việc và nghỉ ngơi, sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tập thể, và các chính sách khác liên quan đến nghĩa vụ, quyền, và lợi ích của người lao động.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của việc kiểm tra và trình bày rõ những vấn đề đặt ra trong quá trình kiểm tra.

Biên bản kiểm tra được lập công khai, ghi rõ ý kiến đồng ý, không đồng ý và mỗi bên đều phải ký vào biên bản. Biên bản kiểm tra gửi đến cơ quan có trách nhiệm để giải quyết, và chậm nhất sau 30 ngày, cơ quan giải quyết phải trả lời cho công đoàn biết. Trường hợp giải quyết không thỏa đáng, công đoàn có quyền kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền cấp trên trực tiếp giải quyết.

Điều 13. — Ban chấp hành công đoàn cơ sở hướng dẫn hoạt động của Ban thanh tra nhân dân tại cơ quan, đơn vị, tổ chức theo sự hướng dẫn của Tổng thanh tra Nhà nước, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và các cơ quan liên quan.

Điều 14. — Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp có trách nhiệm giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của người lao động và thông báo cho công đoàn biết kết quả giải quyết.

Những kiến nghị của công đoàn liên quan đến nghĩa vụ, quyền, và lợi ích của người lao động, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp có trách nhiệm bàn với công đoàn để giải quyết kịp thời, chậm nhất không quá 30 ngày. Nếu không chấp nhận kiến

nghị của công đoàn phải nói rõ lý do cho công đoàn biết.

Điều 15. — Các Bộ phải phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các chính sách, chế độ đối với người lao động, nhất là về việc làm, tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội.

Khi cần phải sửa đổi bổ sung chính sách, chế độ đối với người lao động thì Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam phối hợp để giải quyết kịp thời.

Điều 16. — Những vấn đề không nhất trí giữa tập thể lao động với lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp, thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp phải cùng tổ chức công đoàn giải quyết kịp thời không để chậm quá 15 ngày. Khi cần thiết, Ban chấp hành công đoàn tổ chức đối thoại giữa tập thể lao động với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ, quyền, và lợi ích của người lao động. Việc tổ chức đối thoại không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, công tác bình thường của đơn vị.

Điều 17. — Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp cần cung cấp (không thu tiền) những phương tiện cần thiết cho hoạt động của công đoàn như: nơi làm việc, phương tiện giao thông, liên lạc, văn phòng phẩm phù hợp với điều kiện vật chất của mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp.

Điều 18. — Cán bộ công đoàn không chuyên trách do Đại hội công đoàn bầu, và do Ban Chấp hành công đoàn phân công được dùng một số thời gian trong giờ làm việc, sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế để hoạt động công đoàn mà vẫn được hưởng nguyên lương. Chủ

tịch công đoàn của công đoàn cơ sở có trên 150 lao động, mỗi tháng được 6 ngày, và Chủ tịch công đoàn của công đoàn cơ sở có từ 80 - 150 lao động, mỗi tháng được 3 ngày để hoạt động công đoàn. Thời gian hoạt động công đoàn của cán bộ công đoàn không chuyên trách khác do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức cùng Ban Chấp hành công đoàn bàn bạc giải quyết.

Việc sắp xếp thời gian, bố trí công việc, tiền lương và công tác phí cho Chủ tịch công đoàn và cán bộ không chuyên trách công đoàn trong thời gian đi họp công đoàn cấp trên, và dự huấn luyện về công đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức cùng Ban Chấp hành công đoàn bàn bạc giải quyết.

Điều 19. — Cán bộ công đoàn chuyên trách do công đoàn trả lương, nhưng vẫn được hưởng các quyền lợi về khen thưởng, nhà ở, phúc lợi xã hội khác của đơn vị mà cán bộ công đoàn đó làm việc, giống như cán bộ công nhân viên của đơn vị.

Khi thôi làm cán bộ chuyên trách công đoàn (trừ trường hợp bị kỷ luật) được ưu tiên sắp xếp việc làm tại cơ quan, đơn vị, tổ chức đó và được giải quyết chính sách chung như mọi người lao động tại đơn vị.

Điều 20. — Hội đồng Bộ trưởng giao Bộ Tài chính cùng Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam hướng dẫn thi hành điểm b, mục 2, điều 16 của Luật công đoàn để bảo đảm kinh phí cho công đoàn hoạt động.

Điều 21. —

1. Những bất động sản và động sản do người lao động đóng góp, do quỹ công đoàn tạo ra, hoặc do nước ngoài viện trợ cho công đoàn thì thuộc sở hữu công đoàn.

2. Những bất động sản và động sản vừa do nguồn kinh phí công đoàn, vừa do ngân sách Nhà nước cấp thì tùy theo loại mà giải quyết thuộc sở hữu công đoàn hay sở hữu Nhà nước.

Bộ Tài chính cùng Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam lập danh mục các loại tài sản này để trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định vấn đề quyền sở hữu.

3. Những tài sản, cơ sở vật chất kỹ thuật khác thuộc sở hữu Nhà nước mà công đoàn đang quản lý và sử dụng thì công đoàn vẫn tiếp tục quản lý và sử dụng để phục vụ người lao động.

Điều 22. — Các cấp chính quyền, cơ quan Nhà nước, đơn vị kinh tế, chủ doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với công đoàn cùng cấp thi hành tốt Luật công đoàn, Nghị định này với tinh thần vì lợi ích chung của xã hội, của cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và lợi ích của người lao động.

Những người vi phạm, tùy theo mức độ, sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 23. — Hội đồng Bộ trưởng và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam sẽ quy định cụ thể việc thi hành điều 13 của Luật công đoàn.

Điều 24. — Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các quy định trước đây trái với Luật Công đoàn và Nghị định này đều bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT